

Số: 06 /BC-MNTT

Tiên Thắng, ngày 23 tháng 01 năm 2025

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH NĂM 2024**

**I. Đánh giá chung**

- Căn cứ Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 25/7/2005 của UBND huyện Tiên Lãng quy định chức năng nhiệm vụ của đơn vị;

- Căn cứ Quyết định số 5379/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Tiên Lãng về việc phân loại và giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Tiên Lãng năm 2024;

- Căn cứ Thông báo số 17/TB-UBND ngày 31/01/2024 của UBND huyện Tiên Lãng về việc thông báo số người làm việc, hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập, Hội chữ thập đỏ huyện năm 2024;

Căn cứ tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ trường Mầm non Tiên Thắng thuộc đơn vị nhóm 4 (Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.)

- Trường Mầm non Tiên Thắng trực thuộc UBND huyện Tiên Lãng quản lý, có Chi bộ Đảng độc lập, có tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Trường Mầm non Tiên Thắng có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và có tài khoản đăng ký tại Kho bạc nhà nước huyện Tiên Lãng.

**II. Đánh giá cụ thể**

**1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:**

a) Về tổ chức bộ máy của nhà trường bao gồm:

- Ban Giám hiệu: 03 người (01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng).

- Tổ chuyên môn: 4 tổ (Tổ nhà trẻ, tổ mẫu giáo 3 tuổi, tổ mẫu giáo 4 tuổi, tổ mẫu giáo 5 tuổi).

- Tổ văn phòng: 05 người.

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng:

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm: 51 người (trong đó: số cán bộ, viên chức: 41 người; số lao động hợp đồng trong chỉ tiêu là 01 người; Số lao động từ 01 năm trở lên 09 người cô nuôi).

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm: 43 người (trong đó: số cán bộ, viên chức: 35 người; số lao động hợp đồng: 09 người).

c) Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Trường Mầm non Tiên Thắng đã thực hiện nhiệm vụ tốt các nhiệm vụ được giao trong năm, chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách chế độ và các quy định về tài chính.

- Năm 2024, Trường mầm non Tiên Thắng đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ chi không thường xuyên phục vụ cho công tác xây dựng nhà trường như cải tạo, sửa chữa các phòng học do ảnh hưởng của bão, cải tạo môi trường sân vườn, mua sắm trang thiết bị, CSVC nhỏ cho các phòng học và các phòng chức năng.

## **2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị**

Đơn vị được cơ quan cấp trên giao quyền tự chủ tài chính là đơn vị tự chủ tài chính do Ngân sách Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4) theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

## **3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị**

**a) Về các khoản thu sự nghiệp, thu phí, thu từ nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ:**

- Các khoản thu phí: Không có

- Các khoản thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định: Thực hiện theo nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 về Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thi chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Căn cứ hướng dẫn số 2683/UBND-GDDT ngày 12/9/2024 về việc thực hiện các khoản thu, chi; chấn chỉnh việc dạy thêm, học thêm, phối hợp liên kết giáo dục đào tạo trong trường học, năm học 2024-2025;

- Khoản thu do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN: Không có.

- Thu khác (nếu có): Không có.

## **b) Về nguồn thu, chi thường xuyên:**

\* Nguồn thu từ NSNN (Nguồn 13)

- Nguồn thu:

+ Dự toán thu: 6.736.838.224 đồng

+ Số thực hiện: 6.736.838.224 đồng.

- Chi thường xuyên:

+ Dự toán chi: 6.707.065.024 đồng

+ Số thực hiện: 6.707.065.024 đồng

**c) Chênh lệch thu, chi thường xuyên Trường mầm non Tiên Thắng báo cáo tình hình sử dụng kinh phí tiết kiệm như sau:**

Tính tới thời điểm hết niên độ ngân sách năm 2024, kinh phí tiết kiệm của Trường mầm non Tiên Thắng như sau:

Nguồn thu từ NSNN: 29.773.200 đồng

## **d) Về chi trả phúc lợi trong năm**

- Số đã chi phúc lợi: 29.773.200 đồng

## **đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ**

Khi thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, đơn vị luôn bảo đảm có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định, trừ các khoản được thực hiện khoản chi theo quy chế chi tiêu nội bộ và quy định của pháp luật.

Nội dung quy chế chi tiêu nội bộ bao gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức, mức chi thống nhất trong đơn vị, đảm bảo phù hợp với chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của đơn vị.

Đối với những nội dung chi, mức chi cần thiết cho hoạt động của đơn vị nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, căn cứ tình hình thực tế và nguồn tài chính, đơn vị xây dựng mức chi cho từng nhiệm vụ, nội dung công việc cho phù hợp và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ;

Quy chế chi tiêu nội bộ được tổ chức thảo luận rộng rãi, dân chủ, công khai trong đơn vị và có ý kiến thống nhất của tổ chức công đoàn; báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trước khi ban hành;

#### **e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu**

Đơn vị thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên các lĩnh vực theo quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tài nguyên thiên nhiên.

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm cho từng lĩnh vực, gắn với công tác thanh tra, kiểm tra thường xuyên; phân công rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân, người lao động; đưa kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là tiêu chí đánh giá công tác thi đua, khen thưởng cán bộ, công chức, viên chức.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện nghiêm việc công khai các hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí theo quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

#### **g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn: Không có**

#### **4. Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên**

- Nguồn thu không thường xuyên (Nguồn 12, 15, 18):
  - + Dự toán thu: 1.552.294.768 đồng
  - + Số thực hiện: 1.552.294.768 đồng.
- Chi không thường xuyên:
  - + Dự toán chi: 1.548.616.768 đồng
  - + Số thực hiện: 1.548.616.768 đồng
- Chênh lệch thu, chi không thường xuyên (theo số thực hiện): 3.678.000 đồng.
  - + Số chênh lệch thu chi không thường xuyên chuyển sang niên độ ngân sách năm 2025: 0 đồng.
  - + Số chênh lệch thu chi không thường xuyên đề nghị hủy: 3.678.000 đồng.

#### **5. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân**

Trường Mầm non Tiên Thắng là trường Mầm non Hạng II, gồm một điểm trường, tổ chức bán trú cho các lớp 100%. Tuy nhiên, chỉ tiêu biên chế giao là 42 người nhưng hiện tại trường mới có 35 người còn thiếu 07 người. Số nhân viên còn lại làm việc theo hợp đồng ngắn hạn, ngoài tiền công ra không có 1 chế độ gì nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến tâm lý, chưa yên tâm làm việc.

## **6. Đề xuất, kiến nghị**

Mong các cấp lãnh đạo quan tâm, tạo điều kiện tuyển đủ giáo viên, nhân viên theo chỉ tiêu được giao.

*(Biểu báo cáo số liệu kèm theo).*

### ***Nơi nhận:***

- Phòng Nội vụ huyện TL;
- Phòng TCKH huyện TL;
- KNNN Tiên Lãng;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lương Thị Thanh Hà**

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH NĂM 2024**

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị</b>	<b>Người</b>			
1	Số cán bộ, viên chức	Người	42	35	
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người	09	09	
<b>II</b>	<b>Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp</b>	<b>đồng</b>	<b>6.001.454.187</b>	<b>6.001.454.187</b>	
<b>III</b>	<b>Nguồn tài chính</b>	<b>đồng</b>	<b>6.736.838.224</b>	<b>6.736.838.224</b>	
<b>A</b>	<b>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên</b>		<b>6.736.838.224</b>	<b>6.736.838.224</b>	
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:				
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ	đồng			
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền,...)	đồng			
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập)	đồng			
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định)	đồng			
4	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản thu của đơn vị (đối với đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên)	đồng	<b>6.736.838.224</b>	<b>6.736.838.224</b>	
5	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)	đồng			

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)	đồng			
7	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có)	đồng			
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)	đồng			
<b>IV</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>đồng</b>	<b>6.707.065.024</b>	<b>6.707.065.024</b>	
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	đồng	6.001.454.187	6.001.454.187	
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học	đồng			
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp	đồng	240.214.446	240.214.446	
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí	đồng	170.180.091	170.180.091	
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên	đồng	235.760.100	235.760.100	
6	Trích khấu hao tài sản cố định	đồng			
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)	đồng			
8	Chi trả lãi tiền vay	đồng			
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)	đồng	59.456.200	59.456.200	
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên	đồng			
<b>V</b>	<b>Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = III-IV)</b>	<b>đồng</b>	<b>29.773.200</b>	<b>29.773.200</b>	
	<i>(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)</i>				
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
2	Chi bổ sung thu nhập				
3	Chi khen thưởng, phúc lợi				
4	Trích Quỹ khác (nếu có)				
	<b>(Đối với đơn vị nhóm 4, báo cáo về tình hình sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)</b>	Đồng	29.773.200	29.773.200	<b>Đơn vị đã tạm chi PL trong năm</b>
5	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	đồng			
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần			

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất	Đồng/tháng			
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất	Đồng/tháng			
<b>B</b>	<b><i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ</i></b>				
1	Nguồn thu	Đồng	<b>1.552.294.768</b>	<b>1.552.294.768</b>	
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	Đồng	1.552.294.768	1.552.294.768	
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				
d	Nguồn khác				
2	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	Đồng	1.548.616.768	1.548.616.768	
	<i>(Chi tiết từng nguồn kinh phí như số thứ tự I nêu trên)</i>				
<b>IV</b>	<b>Về vay vốn, huy động vốn</b>	<b>đồng</b>			
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng				
	Số vốn vay				
	Số đã trả nợ				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức				
	Số vốn huy động				
	Số đã trả				